

2014



**TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN
ĐÔNG ANH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



Trụ sở chính: Tổ 26, thị trấn
Đông Anh, huyện Đông Anh,
Tp. Hà Nội

Điện thoại: (844).38833779

Fax: (844).38833113

Website: www.eemc.com.vn

Email: mail@eemc.com.vn

Hà Nội, ngày 05/4/2015

MỤC LỤC

I. TẦM NHÌN – SỨ MỆNH – GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- 1- Tầm nhìn
- 2- Sứ mệnh
- 3- Giá trị cốt lõi

II. THÔNG TIN CHUNG

- 1- Thông tin khái quát
- 2- Quá trình hình thành và phát triển, các sự kiện
- 3- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 4- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 5- Định hướng phát triển
- 6- Các rủi ro

III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 1- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 2- Tổ chức và nhân sự
- 3- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 4- Tình hình tài chính (Tình hình tài chính; Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu)
- 5- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

IV. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 1- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 2- Tình hình tài chính (Tình hình tài sản; Tình hình nợ phải trả)
- 3- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 4- Kế hoạch phát triển trong tương lai.
- 5- Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

V. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

- 1- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng Công ty
- 2- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- 3- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

VI. QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

- 1- Hội đồng quản trị

2- Ban Kiểm soát

3- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1- Ý kiến kiểm toán

2- Báo cáo tài chính được kiểm toán



Một khu Xưởng sản xuất của Tổng Công ty



Một trong các dây chuyền sản xuất của Tổng Công ty

I- TÂM NHÌN – SỨ MỆNH – GIÁ TRỊ CỐT LÕI

1. TÂM NHÌN

Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh phấn đấu trở thành Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam và khu vực sản xuất Máy biến áp truyền tải siêu cao áp và mong muốn tạo nên một thương hiệu Việt, thể hiện tầm vóc trí tuệ và niềm tự hào Việt Nam trên trường Quốc tế.

2. SỨ MỆNH

Cung cấp sản phẩm, dịch vụ có chất lượng tốt, giá cả cạnh tranh, đối tác tin cậy, chuyên nghiệp. Kinh doanh hiệu quả phục vụ lợi ích của các cổ đông. Tăng trưởng luôn gắn liền với quyền lợi mỗi thành viên.

3. GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Minh bạch và hiệu quả; Tôn trọng cam kết; Giữ gìn chữ tín; Chuyên nghiệp trong sản xuất kinh doanh; Lấy con người là trung tâm; Phát triển bền vững.

II- THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch: TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN ĐÔNG ANH

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100101322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/06/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 07/08/2014.

Vốn điều lệ thực góp/Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 108.957.060.000 đồng

Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Tp. Hà Nội.

Số điện thoại: (844). 38833779; Số fax: (844). 38833113

Website: www.eemc.com.vn; Email: mail@eemc.com.vn

Mã cổ phiếu: TBD

Sàn giao dịch UPCoM - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN, CÁC SỰ KIỆN

Tổng Công ty Thiết bị Điện Đông Anh - Công ty cổ phần tiền thân là Công ty Sửa chữa và chế tạo Thiết bị điện được thành lập ngày 05/12/1981 theo Quyết định số 056/NL-TCCB của Bộ Năng lượng.

Ngày 19/06/1993, Bộ Năng lượng ra Quyết định số 352 NL/TCCB-LĐ thành lập lại Công ty Sản xuất Thiết bị điện theo Nghị định số 338-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng; Theo đó Công ty là đơn vị thành viên hạch toán kinh tế độc lập trực thuộc Bộ Năng lượng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp Nhà nước số 108821 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngày 04/03/1995, Bộ Năng lượng ra Quyết định số 120 NL/TCCB-LĐ chuyển Công ty Sản xuất thiết bị điện về trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Công ty Sản xuất thiết bị điện là đơn vị hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ.

Ngày 22/11/2004, Bộ Công nghiệp có Quyết định số 140/2004/QĐ-BCN chuyển Công ty Sản xuất thiết bị điện thành Công ty Cổ phần Chế tạo thiết bị điện.

Công ty Cổ phần Chế tạo Thiết bị điện chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 01/06/2005 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008085 (nay là số 0100101322) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu với số vốn điều lệ ban đầu là 50.000.000.000 đồng.

Ngày 09/10/2007, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 190/UBCK-GCN để thực hiện phát hành và chào bán 3.600.000 cổ phiếu nhằm tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 đồng lên 86.000.000.000 đồng. Kết thúc đợt phát hành và chào bán, Công ty phân phối được 1.600.000 cổ phiếu và đã tiến hành thay đổi Giấy Chứng nhận ĐKKD lần 03 để tăng vốn điều lệ lên 66.000.000.000 đồng.

Ngày 10/05/2011, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận công nhận là Công ty đại chúng.

Ngày 24/01/2013, Công ty tiến hành thay đổi Giấy Chứng nhận ĐKKD lần thứ 08 để chính thức đổi tên Công ty Chế tạo Thiết bị Điện Đông Anh thành Tổng Công ty Thiết bị Điện Đông Anh - Công ty cổ phần với vốn điều lệ thực góp là 66.000.000.000 đồng.

Ngày 17/10/2013, Tổng Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 55/GCN-UBCK. Kết thúc đợt chào bán, Tổng Công ty chào bán được 2.883.715 cổ phiếu và Tổng Công ty đã tiến hành thay đổi Giấy Chứng nhận ĐKKD lần thứ 09 vào ngày 14/02/2014 để tăng vốn điều lệ lên 94.837.150.000 đồng.

Ngày 10/03/2014, Tổng Công ty thực hiện việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu trên số vốn điều lệ hiện hành, tỷ lệ phát hành 15% theo Công văn chấp thuận số 3325/UBCK-QLPH ngày 02/06/2014 và 3745/UBCK-QLPH ngày 27/06/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Tổng Công ty tiến hành thay đổi Giấy Chứng nhận ĐKKD lần 10 ngày 07/08/2014 để tăng vốn điều lệ từ 94.837.150.000 đồng lên 108.957.060.000 đồng.

Ngày 02/10/2014, Tổng Công ty được Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt nam cấp Giấy chứng nhận Đăng ký chứng khoán số 71/2014/GCNCP-VSD cho cổ phiếu (mã chứng khoán TBD) của Tổng Công ty với số lượng cổ phiếu đăng ký: 10.895.706 cổ phiếu.

Ngày 06/10/2014, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp Quyết định số 548/QĐ-SGDHN chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu TBD của Tổng Công ty tại Sàn UPCoM – HNX.

Ngày 08/10/2014, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra Thông báo số 831/TB-SGDHN thông báo ngày giao dịch chính thức đầu tiên cổ phiếu TBD của Tổng Công ty trên sàn UPCoM – HNX, với số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch là 10.895.706 cổ phiếu.

Với kinh nghiệm trên hàng chục năm sản xuất, kinh doanh, sản phẩm của Tổng Công ty đã và đang có mặt trên hệ thống điện ở hầu hết các vùng miền của cả nước.

Thương hiệu EMC của Tổng Công ty đã được Tổ chức Trade Leader's Club (có trụ sở tại Tây Ban Nha) với trên 7.000 doanh nghiệp từ 95 Quốc gia, bình chọn trao giải “Thương hiệu tốt nhất - Giải thưởng Thiên niên kỷ mới” (năm 2004).

Tổng Công ty được Nhà nước trao Huân chương lao động hạng Nhất (năm 2008), Huân

chương lao động hạng Nhì (năm 1984), Huân chương lao động Ba (năm 1991), Huân chương Độc lập hạng Ba (năm 2014).

Với các nỗ lực và hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, Tổng Công ty đã được Chủ tịch Nước tặng Danh hiệu ANH HÙNG LAO ĐỘNG tại Quyết định số 2186/QĐ/CTN ngày 23/11/2011.

3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty hoạt động chủ yếu trong các lĩnh vực: Sản xuất máy biến áp truyền tải, máy biến áp trung gian, máy biến áp phân phối và thiết bị điện khác; Sửa chữa thiết bị điện; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại; Gia công cơ khí; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.

Địa bàn kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm các tỉnh, thành trên toàn quốc, bao gồm các khách hàng chủ yếu sau:

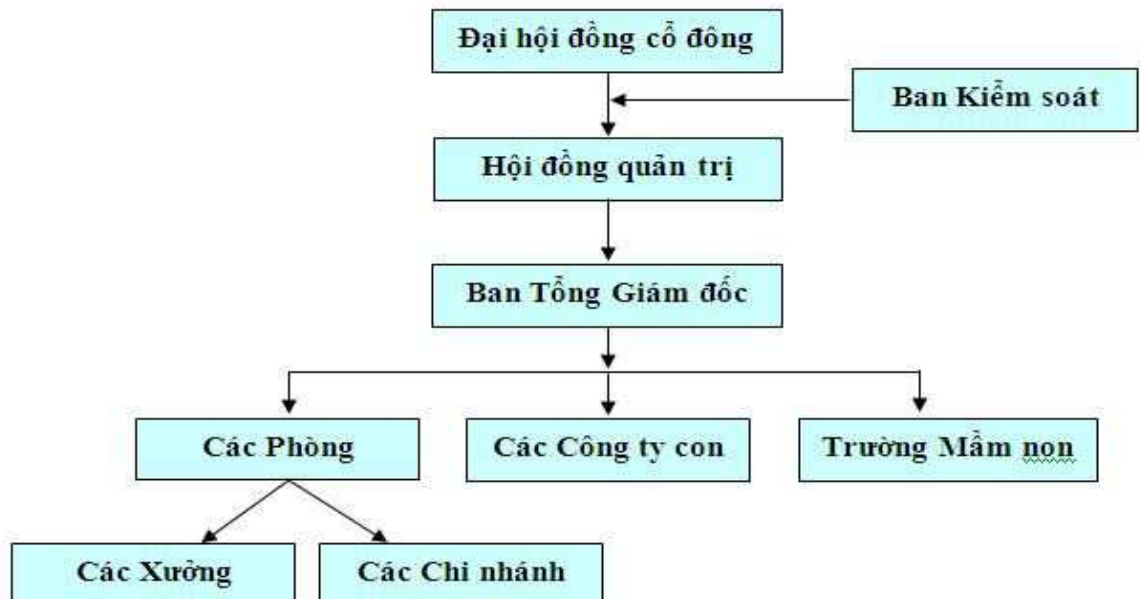
- Tổng Công ty truyền tải điện Quốc gia.
- Các Công ty truyền tải điện 1, 2, 3.
- Các Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc, Miền Trung, Miền Nam.
- Các Tổng Công ty Điện lực Tp. Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh.
- Các Công ty Điện lực các tỉnh, thành khác và các đại lý bán hàng của Tổng Công ty.

4. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA TỔNG CÔNG TY

Mô hình quản trị

Tổng Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban Kiểm soát; Ban Tổng Giám đốc.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Tổng Công ty



Chức năng và nhiệm vụ:**Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là Cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên họp mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Tổng Công ty quy định:

- Thông qua kế hoạch phát triển của Tổng Công ty; Các báo cáo năm tài chính và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo; Thông qua các báo cáo của Ban Kiểm soát, của Hội đồng quản trị;
- Quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát của Tổng Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là Cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Tổng Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm. Vai trò của Hội đồng quản trị là xác định các chiến lược, kế hoạch và các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- Quyết định chiến lược phát triển của Tổng Công ty; Kế hoạch và phát triển kinh doanh hàng năm;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị công nghệ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu hoặc giải thể Tổng Công ty;
- Quyết định phương án đầu tư của Tổng Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Tổng Công ty trình Đại hội đồng cổ đông;
- Các chức năng khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty.

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm ba (03) thành viên để thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty, kiểm

soát, giám sát (đặc biệt về tài chính), đảm bảo hoạt động Tổng Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ như sau:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng của Tổng Công ty;
- Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông;
- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Tổng Công ty; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty;
- Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty;
- Được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý cung cấp đầy đủ kịp thời thông tin, tài liệu và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.
- Các chức năng nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các Quy chế nội bộ khác của Tổng Công ty.

Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

- Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người đại diện pháp luật Tổng Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty;
- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty theo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Tổng Công ty và tuân thủ pháp luật;
- Báo cáo trước Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, cung cấp đầy đủ kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động của Tổng Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Tổng Công ty, trừ những chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức;
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Tổng Công ty;
- Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Quy chế của Tổng Công ty.

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc điều hành Tổng Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được phân công và giao quyền.

Các phòng ban chức năng

Văn phòng:

Tham mưu giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo, điều hành, quản lý công tác hành chính, quản trị, pháp chế, văn thư, lưu trữ, thông tin liên lạc, đối ngoại, phương tiện làm việc, y tế; Bảo đảm các yêu cầu, điều kiện vật chất, kỹ thuật trong công tác quản trị văn phòng.

Phòng Kinh doanh:

Tham mưu tổng hợp vào giúp Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực kế hoạch, sản xuất, kinh doanh, tiếp thị các dịch vụ khách hàng và chiến lược sản xuất kinh doanh của toàn Tổng Công ty; Giao nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu kế hoạch khác cho các đơn vị trực thuộc; Là đầu mối trong công tác thống kê tổng hợp, tiếp thị, bán hàng tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ khách hàng và các dịch vụ khác thuộc phạm vi sản xuất kinh doanh được giao; Là phòng đầu mối trong công tác điều hành sản xuất các Xưởng sản xuất, Chi nhánh trực thuộc Tổng Công ty, nắm bắt và tham mưu giúp Tổng Giám đốc định hướng chỉ đạo sản xuất kinh doanh của các đơn vị trực thuộc.

Phòng Dự án:

Tham mưu giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo công tác tham gia đấu thầu, xây lắp thủy điện, quan hệ giao dịch chỉ định thầu các công trình, các dự án phục vụ công tác kinh doanh của Tổng Công ty. Tham mưu giúp Tổng Giám đốc hoạch định chiến lược đầu tư an toàn, đồng thời triển khai thực hiện chiến lược đầu tư xây dựng như: Đầu tư xây dựng dự án chế tạo sản phẩm mới theo nhu cầu thị trường; đầu tư bổ sung đổi mới thiết bị để hoàn thiện dây chuyền sản xuất sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm và sửa chữa lớn tài sản cố định trong Tổng Công ty.

Phòng Tài chính Kế toán:

Tham mưu giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo, quản lý công tác tài chính và hạch toán kế toán nhằm bảo toàn và phát triển tốt nhất nguồn lực của toàn Tổng Công ty; thực hiện chức năng quản lý tài chính theo quy định hiện hành.

Phòng Tổ chức Lao động:

Tham mưu, tư vấn để Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo, quản lý công tác tổ chức sản xuất; tổ chức bộ máy; công tác cán bộ; lao động và đào tạo phát triển nguồn nhân lực; công tác tiền lương; chế độ chính sách; thi đua khen thưởng, kỷ luật và hợp tác quốc tế.

Phòng Kỹ thuật:

Tham mưu giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo, quản lý công tác thiết kế, kỹ thuật trong toàn Tổng Công ty (quản lý công tác sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, quản lý công tác nghiên cứu khoa học, các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành, áp dụng công nghệ mới).

Phòng Công nghệ:

Có chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực: Nghiên cứu, thiết kế các

sản phẩm mới; nghiên cứu, ứng dụng các loại vật liệu mới và công nghệ mới vào việc thiết kế và chế tạo các sản phẩm của Tổng Công ty; thiết kế, hoàn thiện các sản phẩm truyền thống của Tổng Công ty, không ngừng nâng cao chất lượng, cải tiến mẫu mã, giảm tiêu hao vật tư, năng lượng, hạ giá thành sản phẩm và tiện lợi cho người sử dụng; thiết kế tiêu chuẩn hóa các cụm chi tiết cho sản phẩm.

Phòng KCS:

Giúp Tổng Giám đốc trong công tác quản lý chất lượng các sản phẩm; tổ chức thực hiện quản lý, kiểm tra và thử nghiệm vật tư đầu vào, các sản phẩm trong quy trình sản xuất và xuất xưởng.

Phòng Vật tư:

Giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo, quản lý công tác cung ứng và sử dụng vật tư, thiết bị, phụ tùng, nhiên liệu cho sản xuất kinh doanh; công tác xuất nhập khẩu và đầu tư xây dựng các công trình của Tổng Công ty.

Phòng Bảo vệ:

Có chức năng nắm vững tình hình liên quan đến công tác bảo vệ - tự vệ - phòng cháy chữa cháy; đề xuất các biện pháp nghiệp vụ, giải quyết kịp thời các việc xảy ra, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự trong toàn Tổng Công ty.

02 Công ty TNHH Một thành viên, 02 Chi nhánh, 04 Xưởng sản xuất và Trường Mầm non tư thực:

Thực hiện chức năng sản xuất thuộc lĩnh vực được Tổng Công ty giao theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật, gồm có:

Công ty TNHH MTV Thiết bị lưới điện - EEMC

Mã số Doanh nghiệp: 0102116081; Đăng ký lần đầu ngày 08/11/2006; Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 03/12/2010.

Địa chỉ: Tổ 22, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: (84).422180949; Fax: (84).438821408.

Vốn điều lệ: 8.420.648.380 đồng.

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất dây điện, vật tư, vật liệu kỹ thuật điện phục vụ công nghiệp điện và gia dụng; kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu các loại vật tư thiết bị hàng hóa công nghiệp và dân dụng; đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, cho thuê nhà xưởng, kho bãi.

Tỷ lệ nắm giữ của Tổng Công ty là: 100%

Công ty TNHH MTV Thiết kế và Chế tạo thiết bị điện - EEMC

Mã số Doanh nghiệp: 0106601787; Đăng ký lần đầu ngày 10/11/2006; Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 31/7/2014.

Địa chỉ: Thôn Trung Văn, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: (84.4).3854902; Fax: (84.4).3854360

Vốn điều lệ: 7.811.853.518 đồng

Ngành nghề kinh doanh: Tư vấn thiết kế các sản phẩm công nghiệp, sản xuất thiết bị điện cao áp từ 6 - 110kV, xây lắp đường dây và trạm điện đến 35kV; sửa chữa trung đại tu, cải tạo các loại thiết bị điện đến 35kV, các thiết bị cơ nhiệt, cơ, thủy lực đến 250 ata...

Tỷ lệ nắm giữ của Tổng Công ty là: 100%.

Chi nhánh Nhà máy Chế tạo Máy biến áp

Mã số Chi nhánh: 0100101322-006; Đăng ký lần đầu ngày 26/3/2013.

Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Tp. Hà Nội

Hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty.

Hình thức hoạt động: Hoạt động theo ủy quyền của Tổng Công ty.

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất các loại máy biến áp, thiết bị điện, dây dẫn điện; Sửa chữa thiết bị điện, Gia công cơ khí; Hoạt động kiến trúc tư vấn kỹ thuật liên quan.

Chi nhánh Xí nghiệp Dịch vụ Kỹ thuật điện

Mã số Chi nhánh: 0100101322-008; Đăng ký lần đầu ngày 26/3/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 23/8/2013.

Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Tp. Hà Nội

Hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty.

Hình thức hoạt động: Hoạt động theo ủy quyền của Tổng Công ty.

Ngành nghề kinh doanh: Sửa chữa các loại thiết bị điện; Lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Sửa chữa máy móc thiết bị; Tái chế phế liệu; Hoạt động kiến trúc tư vấn kỹ thuật liên quan.

Trường Mầm non Tư thực Thiết bị điện

Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Tp. Hà Nội

Chức năng: Nhận nuôi dạy trẻ chủ yếu con em CBCNV trong Tổng Công ty.

5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

a- Các mục tiêu chủ yếu của Tổng Công ty

- Đẩy mạnh công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch đầu tư để phát triển các sản phẩm, hàng hóa trong nước sản xuất được.

- Đặc biệt coi trọng, ưu tiên dành mọi nguồn lực của Tổng Công ty cùng với sự quan tâm của các cấp bộ ngành để đầu tư xây dựng mới, cải tạo nhà xưởng, mua thiết bị công nghệ mới hiện đại phục vụ thiết kế, chế tạo thử nghiệm sản phẩm; chuyên môn hóa cao sản phẩm đã sản xuất được và phát triển nhiều sản phẩm mới, đặc biệt là máy biến áp truyền tải siêu cao áp dung lượng tới 600 và 900MVA - điện áp 500kV.

- Tập trung xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả, nâng cao quy mô, năng suất và chất lượng sản phẩm;

- Liên kết với các đối tác nước ngoài hoặc mua các công nghệ sản xuất tiên tiến nhất để chế tạo các loại sản phẩm chất lượng cao hiện trong nước chưa sản xuất được.
- Nhập khẩu các công nghệ và thiết bị hiện đại, trước hết là công nghệ nguồn, phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả;

b- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Thực hiện chủ trương phát triển ngành theo "Chiến lược phát triển Cơ khí - Điện lực của Tập đoàn Điện lực Việt Nam đến năm 2020" đã được EVN phê duyệt.
- Xây dựng cơ chế bảo hộ hàng hóa trong nước sản xuất được; Nghiên cứu và phát triển các sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu;
- Nâng cao chất lượng sản phẩm, năng suất và năng lực cạnh tranh để tiến tới xuất khẩu sản phẩm.

c- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Tổng Công ty

Tiếp tục thực hiện và tuân thủ duy trì Tiêu chuẩn ISO 14000 về môi trường.

6. CÁC RỦI RO

(Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Tổng Công ty).

Các nhân tố rủi ro được đánh giá như sau:

a- Rủi ro về kinh tế và tăng trưởng kinh tế

Sự biến động của lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của Tổng Công ty nói riêng.

Là một doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực chế tạo các loại máy biến áp, dây cáp điện, cầu chảy... và xây lắp các công trình điện (nguyên vật liệu tới 60% nhập khẩu) nên có thể nói, môi trường kinh tế vĩ mô có những ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ tới quá trình phát triển của Tổng Công ty.

Nền kinh tế Việt Nam trong các năm tiếp theo gặp nhiều khó khăn, thách thức trong việc ngăn chặn lạm phát và duy trì tốc độ tăng trưởng. Bằng nhiều biện pháp tích cực của Chính phủ, nền kinh tế Việt Nam đã có những dấu hiệu phục hồi và tăng. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2013 đạt 5,42%. Bước sang năm 2014, được kỳ vọng là một năm khởi sắc của nền kinh tế, khi vào cuối năm 2013 thị trường chứng khoán đã tăng trở lại, thị trường bất động sản đang âm dần là những tín hiệu tốt cho nền kinh tế hồi phục.

Để quản lý các rủi ro do tác động của môi trường kinh tế vĩ mô, Tổng Công ty đã tiến hành dự báo tình hình phát triển kinh tế để lập kế hoạch kinh doanh phù hợp với các kịch bản tăng trưởng trong tương lai. Bên cạnh đó, Tổng Công ty còn thực hiện tiết kiệm chi phí một cách triệt để nhằm gia tăng biên lợi nhuận của lĩnh vực kinh doanh truyền thống và các lĩnh vực kinh doanh khác.

b- Rủi ro lạm phát

Năm 2014, lạm phát được dự báo sẽ tiếp tục có mức tăng thấp (khoảng 7%) nhưng vẫn có một số nhân tố có thể gây lạm phát khó lường như tín dụng tăng trưởng cao hơn, gây ảnh hưởng lớn tới hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp về cả mặt bằng đầu vào và đầu ra cũng như các hoạch định chiến lược của các doanh nghiệp và của Tổng Công ty.

c- Rủi ro lãi suất

Bên cạnh lạm phát, lãi suất là một chỉ số tài chính vô cùng quan trọng mà Tổng Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật hàng ngày nhằm đưa ra các chiến lược đầu tư hợp lý. Khi lãi suất tăng lên sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Chính vì thế, khi lãi suất biến động sẽ ảnh hưởng nhất định đến tình hình kinh doanh của Tổng Công ty. Để hạn chế tác động của lãi suất lên hoạt động kinh doanh, Tổng Công ty áp dụng nhiều biện pháp nhằm thắt chặt chi phí như giảm vốn vay từ ngân hàng và thay bằng các nguồn khác có chi phí vốn thấp hơn, đồng thời tăng cường huy động vốn cho sản xuất kinh doanh từ các cổ đông của Tổng Công ty qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ hoặc vay tiền nhân rồi của Cán bộ công nhân viên trong Tổng Công ty.

d- Rủi ro về luật pháp

Việt Nam hiện là một nước đang phát triển, do đó Luật và các văn bản luật ở giai đoạn này đang trong quá trình hoàn thiện. Sự thay đổi về chính sách là vấn đề tất yếu và ít nhiều gây ra ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Tuy nhiên rủi ro pháp lý là rủi ro thuộc khía cạnh hệ thống, đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải có những điều chỉnh và thích ứng phù hợp để phát huy tối đa mặt thuận lợi, hạn chế mặt bất lợi mà mỗi sự thay đổi chính sách gây ra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Hiện nay Tổng Công ty đã có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh nên phần nào đã thích nghi với những sự thay đổi về môi trường pháp lý ở Việt Nam.

đ- Rủi ro về nguồn nguyên liệu

Các loại vật liệu chính như tôn tấm, thép, đồng, xi măng, xăng dầu... Tổng Công ty sử dụng chủ yếu được mua lại từ các Công ty cung ứng trong nước và một số được nhập khẩu từ nước ngoài. Trong thực tế, những năm vừa qua, giá các loại nguyên vật liệu này biến động phức tạp gây ảnh hưởng đến kế hoạch và kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp sử dụng các nguồn nguyên vật liệu này nói chung và Tổng Công ty nói riêng.

Để giảm thiểu rủi ro từ sự biến động giá nguyên vật liệu đầu vào đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Tổng Công ty thực hiện công tác nhập khẩu trực tiếp vật tư nguyên liệu đầu vào để sản xuất dựa trên kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm.

e- Rủi ro về tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện xuất khẩu sản phẩm bán ra thị trường nước ngoài, đồng thời nhập khẩu nguồn nguyên liệu từ nước ngoài. Nguồn nguyên liệu nhập khẩu của Tổng Công ty chủ yếu được mua từ các nước G7, Nhật, Nga ... Việc thanh toán tiền hàng được sử dụng bằng các ngoại tệ như USD, EUR, JPY... Do vậy bất kỳ sự thay đổi tỷ giá nào cũng ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

f- Rủi ro về sản lượng và tiêu thụ sản phẩm

Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty được xây dựng dựa vào một phần của công tác dự báo sản lượng sản phẩm được sản xuất và khả năng tiêu thụ sản phẩm trong các năm

tới. Do đó, nếu có yếu tố khách quan hoặc bất khả kháng nào làm sản lượng sản phẩm được sản xuất và khả năng tiêu thụ sản phẩm thực tế thấp hơn dự báo cũng có thể ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

g- Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro kể trên, Tổng Công ty cũng có khả năng gặp phải các rủi ro khác như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn,... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Tổng Công ty. Để hạn chế thiệt hại từ các rủi ro này, Tổng Công ty đã mua bảo hiểm rủi ro cho các tài sản như nhà xưởng, hàng hóa thành phẩm tồn kho và bảo hiểm con người.

III- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Năm 2014 trước khó khăn chung của đất nước, nhất là vấn đề việc làm, tìm nguồn hàng, cơ chế đấu thầu của các gói thầu có vốn vay nước ngoài mà phía nhà thầu chưa đáp ứng được trong đó có Tổng Công ty; Các dự án lớn đòi hỏi nghiêm ngặt về chất lượng, khả năng trúng thầu không cao; Tổng Công ty đã bám Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2014, thường xuyên kiểm điểm, đề ra giải pháp thực hiện, giảm chi phí tối thiểu, tăng cường khâu tiếp thị, nên kết quả SXKD đã đạt và vượt kế hoạch đề ra.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, như sau:

1.1/ Tổng doanh thu:

1.185.195.081.017 đồng/ 1.010.686.800.000 đồng, đạt 117,3% KH năm 2014.

1.2/ Giá trị xuất khẩu vật tư, thiết bị: 1.358.232 USD

1.3/ Giá trị nhập khẩu vật tư, thiết bị: 18.677.720 USD + 1.401.099 EUR

1.4/ Một số sản phẩm chính:

- Chế tạo máy biến áp các loại: 652 máy

* Máy biến áp 110 kV đến 500kV : 45 máy, gồm:

+ MBA 63MVA – 110kV : 19 máy

+ MBA 40MVA – 110kV : 04 máy

+ MBA 16 ÷ 25MVA – 110kV : 08 máy

+ MBA 125 MVA – 220 kV : 01 máy

+ MBA 250 MVA – 220 kV : 13 máy

* Máy biến áp trung gian và phân phối: 607 cái.

- Cáp nhôm : 605 tấn

- Cáp thép : 99 tấn

- Cầu dao : 134 bộ

- Tủ điện các loại : 48 cái
- Sửa chữa MBA 110kV – 500kV : 137 cái
- Sửa chữa MBA phân phối : 108 cái
- Cầu chảy tự rơi các loại : 160 bộ
- Biến dòng các loại : 309 cái
- Biến điện áp các loại : 435 cái
- Dây đồng các loại : 325 tấn.
- Cung cấp thiết bị cho công trình thủy điện, xây lắp : 07 tỷ đồng
- Sản xuất khác : 65 tỷ đồng

1.5/ Xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn:

Tổng Giá trị: 39.808.000.000 đ; Đạt 34,6% so với KH 2014, trong đó:

- Xây lắp: 8.162.000.000 đ
- Thiết bị: 31.370.000.000 đ

1.6/ Lợi nhuận trước thuế: 35.338.921.355 đồng. Đạt 74,4% so với KH 2014.

1.7/ Lợi nhuận sau thuế: 23.940.651.594 đồng. Đạt 64,7% so với KH 2014.

1.8/ Cổ tức: 12 %/năm (chờ Đại hội đồng cổ đông 2015 thông qua).

1.8/ Thu nhập bình quân toàn Tổng Công ty: 10.500.000 đ/người/tháng.

Diễn giải các chỉ tiêu đạt thấp:

- Về lợi nhuận sau thuế năm 2014: Năm 2014, Tổng Công ty dồn nguồn vốn để thực hiện dự án đưa máy biến áp 220kV, 110kV, 35kV đi thử nghiệm ngắn mạch tại nước ngoài (20 tỷ VND) nên Lợi nhuận sau thuế đạt thấp so với kế hoạch năm 2014.

- Về giá trị đầu tư XD/CB năm 2014: Dự án đầu tư nâng cấp dây chuyền máy biến áp 220 – 500kV chậm về tiến độ do khâu giải phóng mặt bằng phân ngầm gặp vướng mắc, nguồn vốn thiếu, nguồn vay tín dụng không thực hiện được, nên giá trị đạt thấp so với kế hoạch năm 2014.

Tình hình Doanh thu thực hiện/ kế hoạch:

1.185.195.081.017 đồng/ 1.010.686.800.000 đồng, đạt 117,3% KH năm 2014.

Tình hình so sánh sản phẩm, chỉ tiêu chính 2 năm liền kề:

TT	Chỉ tiêu/ Sản phẩm chính	Năm 2013	Năm 2014
1	Tổng doanh thu (đ):	1.168.974.600.660	1.185.195.081.017
2	Sản phẩm chính:		
-	Máy biến áp 110 kV - 500kV (cái)	35	45
-	Máy biến áp trung gian và phân phối (cái):	606	652

-	Cáp nhôm (tấn):	756	605
-	Cáp thép (tấn):	70	99
-	Cầu dao (bộ):	178	134
-	Tủ điện (cái):	106	48
-	Sửa chữa MBA 110kV - 500kV (cái)	115	137
-	Sửa chữa MBA phân phối	73	108
-	Cầu chảy tự rơi (bộ)	242	160
-	Biến dòng 6-35kV (bộ)	441	309
-	Biến điện áp 6-35kV (bộ)	453	435
-	Dây đồng các loại (tấn)	348	325
-	Thiết bị thủy điện + Xây lắp (đ)	35.000.000.000	7.000.000.000
-	Sản xuất khác	50.000.000.000	65.000.000.000
3	XDCB (đ)	24.465.000.000	39.808.000.000
4	Lợi nhuận trước thuế (đ):	56.027.828.414	35.338.921.355
5	Lợi nhuận sau thuế (đ):	41.412.764.508	23.940.651.594
6	Cổ tức (%):	14,5	12 (dự kiến)
7	Thu nhập bình quân (đ/người/tháng)	10.000.000	10.500.000

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

a. *Danh sách Ban điều hành:* (Tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Tổng Công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng).

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Chức vụ	Tỷ lệ % sở hữu CP
1	Trần Văn Quang	17/05/1958	Xã Huyền Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	TGD	1,52
2	Nguyễn Đức Công	12/07/1959	Xã Trung Nghĩa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	PTGD	0,67
3	Hồ Đức Thanh	15/07/1959	Xã Bình Tân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định	PTGD	0,65
4	Nguyễn Văn Giang	02/10/1959	Xã Nghi Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	PTGD	7,12
5	Lê Văn Diễm	03/03/1970	Xã Dục Tú, huyện Đông Anh, Tp. Hà Nội	PTGD	0,33
6	Nguyễn Xuân Thu	10/04/1955	Xã Nhân Thắng, huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh	PTGD	0,17
7	Phạm Xuân Thành	20/10/1961	Xã Lê Lợi, huyện Hoàn Bô, tỉnh Quảng Ninh	KTT	0,49

b. *Những thay đổi trong Ban điều hành:* Không có.

c. Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Lao động:

Tổng số người lao động (thời điểm ngày 31/12/2014): 847 người, trong đó trên đại học 05 người (0,6%), đại học 174 người (21,7%), cao đẳng 37 người (4,6%), trung cấp 68 người (8,5%), công nhân kỹ thuật 568 người (67,1%).

- Chính sách đối với người lao động:

Người lao động được ký hợp đồng lao động dài hạn với Tổng Công ty. Người lao động được đóng BHXH, BHYT đầy đủ đúng hạn. Tổng Công ty có Quy chế nội bộ về tuyển dụng, nâng bậc, nâng lương, trả lương, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ chế độ, cấp phát trang bị phòng vệ cá nhân cho mọi đối tượng Người lao động. Các chính sách phù hợp với pháp luật và hướng dẫn của Nhà nước. Tổng Công ty hỗ trợ vật chất (bằng tiền) cho Người lao động đi tham quan 01 lần/năm. Người lao động yên tâm công tác.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

a. Các khoản đầu tư lớn: (Bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án lớn, kể cả dự án dùng nguồn vốn phát hành cổ phiếu).

(1) Đầu tư tài chính góp vốn:

Góp vốn vào Công ty Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc; Địa chỉ: Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh, Tỉnh Hải Dương. Mức góp vốn 2.500.000.000 VND (từ năm 2008). Hiệu quả đầu tư đạt yêu cầu. Vốn góp luôn được bảo toàn; Cổ tức hàng năm 13-15%/năm.

(2) Dự án đầu tư mở rộng dây chuyền chế tạo máy biến áp 500kV:

Đây là Dự án triển khai trong 03 năm, dùng một phần vốn từ nguồn phát hành cổ phiếu Tổng Công ty (40,37 tỷ VND), với 02 hạng mục hạn hoàn thành Quý I/2015 (điều chỉnh) là:

Hạng mục xây dựng nhà xưởng: Dùng vốn phát hành cổ phiếu 25,0 tỷ VND.

Hạng mục mua cầu trục 350T: Dùng vốn phát hành cổ phiếu 15,37 tỷ VND.

Trong quá trình thực hiện Dự án, do vừa sản xuất, vừa thi công nên tiến độ chung bị chậm. Hiện nay toàn Dự án đã triển khai ở giai đoạn cuối.

Việc báo cáo tiến độ sử dụng vốn được theo yêu cầu của pháp luật, được Tổng Công ty thực hiện (báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo định kỳ).

(3) Dự án hoàn thiện thiết kế và công nghệ chế tạo máy biến áp 220kV:

Hạng mục thử nghiệm khả năng chịu ngắn mạch máy biến áp truyền tải (thực hiện 2 năm 2013 và 2014): Mức đầu tư 18,3 tỷ VND. Hiện nay Dự án đã hoàn thành. 03 chiếc máy biến áp truyền tải 110kV, 220kV và máy biến áp phân phối đã được thử nghiệm tại nước ngoài thành công.

b. Các Công ty con, Công ty liên kết:

* Công ty liên kết: Không có.

* Công ty con (02 Công ty TNHH MTV), gồm có:

(1) Công ty TNHH MTV Thiết bị lưới điện - EEMC

Vốn điều lệ: 8.420.648.380 đồng; Tổng Công ty là Chủ sở hữu 100% vốn.

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất dây điện, vật tư, vật liệu kỹ thuật điện phục vụ công nghiệp điện và gia dụng; kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu các loại vật tư thiết bị hàng hóa công nghiệp và dân dụng; đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, cho thuê nhà xưởng, kho bãi.

Tình hình tài chính:

Công ty đã ổn định sản xuất.

Lợi nhuận sau thuế năm 2014 đạt: 922.625.648 đồng

Vốn của Chủ sở hữu được bảo toàn.

(2) Công ty TNHH MTV Thiết kế và Chế tạo thiết bị điện - EEMC

Vốn điều lệ: 7.811.853.518 đồng; Tổng Công ty là Chủ sở hữu 100% vốn.

Ngành nghề kinh doanh: Tư vấn thiết kế các sản phẩm công nghiệp, sản xuất thiết bị điện cao áp từ 6 - 110kV, xây lắp đường dây và trạm điện đến 35kV; sửa chữa trung đại tu, cải tạo các loại thiết bị điện đến 35kV, các thiết bị cơ nhiệt, cơ, thủy lực đến 250 ata...

Tình hình tài chính:

Công ty đã ổn định sản xuất.

Lợi nhuận sau thuế năm 2014 đạt: 2.959.224.997 đồng

Vốn của Chủ sở hữu được bảo toàn.

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	849.975.109.497	1.051.245.673.435	+23,67
Doanh thu thuần	1.168.974.600.660	1.185.195.081.017	+1,38
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	54.336.971.344	31.159.861.612	-42,68
Lợi nhuận khác	1.690.857.070	4.509.059.743	+266,67
Lợi nhuận trước thuế	56.027.828.414	35.668.921.355	-36,34
Lợi nhuận sau thuế	41.412.764.508	23.940.651.594	-42,19
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	14,5	12,0	-17,24

Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của Tổng Công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
-Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	=1,35	=1,27	
-Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	=0,62	=0,49	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
-Hệ số Nợ/Tổng tài sản	=0,669	=0,727	
-Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	=2,124	=2,861	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
-Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	=2,178	=1,611	
-Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,375	=1,127	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
-Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	=2,04	=3,49	
-Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	=15,5	=8,94	
-Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	=2,8	=3,9	
-Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần.	=10,02	=6,72	
.....			

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần phát hành: 10.895.706 cổ phần.
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 10.827.706 cổ phần.
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do của cổ đông: 10.827.706 cổ phần.
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 68.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Không có.

- Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài: Không có.

b. Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ chung:

TT	Cổ đông	Vốn cổ phần (đ)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông Nhà nước (EVN)	50.436.060.000	46,28
2	Cổ đông nội bộ (gồm: HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng)	12.163.660.000	11,16
3	Cổ đông trong Tổng Công ty:	23.273.990.000	21,36
	- Cán bộ công nhân viên:	22.593.990.000	20,73
	- Cổ phiếu quỹ:	680.000.000	0,62
4	Cổ đông ngoài	23.083.350.000	21,18
	- Cá nhân nước ngoài:	100.000.000	0,09
	- Cá nhân trong nước:	19.808.530.000	18,18
	- Tổ chức trong nước:	3.174.820.000	2,91
	Tổng cộng:	108.957.060.000	100,0

Cổ đông lớn:

TT	Cổ đông	Vốn cổ phần (đ)	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	50.436.060.000	46,28
2	Nguyễn Văn Giang	775.840.000	7,12

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu:

(1) Tăng vốn từ việc chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, trả cổ tức bằng cổ phiếu: Không có.

(2) Tăng vốn từ việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu (phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ vốn Chủ sở hữu):

- Số đợt thực hiện: 01 đợt.
- Tỷ lệ phát hành: 15%.
- Vốn điều lệ trước phát hành: 94.837.150.000 đồng
- Số cổ phiếu đã phân phối: 1.411.991 cổ phiếu.
- Số cổ đông được phân phối: 922 cổ đông.
- Tổng số cổ phiếu hiện tại (sau khi phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn

chủ sở hữu) là: 10.895.706 cổ phiếu, trong đó: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 10.827.706 cổ phiếu, số lượng cổ phiếu quỹ: 68.000 cổ phiếu.

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có Văn bản số 3745/UBCK-QLPH ngày 27/6/2014 chấp thuận kết quả Báo cáo phát hành thành công 1.411.991 cổ phiếu của Tổng Công ty.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 68.000 cổ phần.
- Giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm: Không có.

đ. Các chứng khoán khác:

Phát hành chứng khoán khác: Không có.

IV- BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Để thực hiện các mục tiêu của năm 2014, theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đề ra:

Các giải pháp điều hành:

- Chuẩn bị các phương án sản xuất kinh doanh linh hoạt, chủ động nhằm ứng phó kịp thời các diễn biến của thị trường; tập trung phát triển sản phẩm truyền thống (máy biến áp truyền tải).
- Tiếp tục hoàn thiện hơn nữa công tác quản trị, tăng cường thực hiện công tác kiểm soát quy trình sản xuất để tiết giảm chi phí;
- Đẩy mạnh công tác xuất khẩu, tiếp tục khẳng định vị thế tại thị trường truyền thống Ngành Điện, mở rộng sang các thị trường mới (khu vực Miền Nam).
- Triển khai nâng cấp dây chuyền sản xuất, sắp xếp mặt bằng công nghệ, đẩy mạnh tiến độ Dự án nâng cấp dây chuyền sản xuất máy biến áp 500kV để sớm đưa vào khai thác trong năm 2015.
- Đẩy mạnh hơn nữa các chương trình tiếp thị, quảng bá thương hiệu nhằm tăng cường sự hiện diện của thương hiệu “Thiết bị điện Đông Anh”.

Triển khai thực hiện:

- Giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo từng tháng cho từng đơn vị sản xuất kinh doanh. Điều đặn hàng tuần giám sát và đánh giá việc thực hiện.
- Nắm bắt nhu cầu của thị trường; theo dõi sản lượng tiêu thụ, giá bán, lợi nhuận, tồn kho để sản xuất lượng hàng hợp lý.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm: Đưa máy biến áp phân phối, 110kV, 220kV ra nước ngoài thử nghiệm ngắn mạch để khẳng định chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc tế, kết quả đã thành công và được cấp chứng chỉ, tạo đà cho việc cung ứng sản phẩm có chất lượng ra thị trường. Đối với máy biến áp phân phối thiết kế và sản xuất cung cấp cho thị trường sản phẩm dân nhân năng lượng.
- Duy trì áp dụng Bộ tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và ISO 14000 trong toàn Tổng Công ty.

- Kết quả SXKD (theo bảng nêu trên): Đạt và vượt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2014 đề ra, có tăng trưởng so với năm 2013.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

a. Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: Thời gian sử dụng: 12 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị: Thời gian sử dụng: 10 năm
- Phương tiện vận tải: Thời gian sử dụng: 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý: Thời gian sử dụng: 05 năm

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

b. Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.
- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại lại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Tổng Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành. Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

c- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

d- Kế hoạch phát triển trong tương lai

đ- Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).

V- ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty năm 2014 còn nhiều khó khăn trong cơ chế thị trường. Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc điều hành và các đơn vị thành viên cùng nỗ lực phấn đấu và đã thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2014 với chỉ số cao (tăng trưởng 3,4 %).

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty thực hiện việc phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ vốn chủ sở hữu (cổ phiếu thưởng) cho cổ đông hiện hữu được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận (Công văn số 3325/UBCK-QLPH ngày 02/06/2014 và Công văn 3745/UBCK-QLPH ngày 27/06/2014). Tổng Công ty tiến hành thay đổi Giấy Chứng nhận ĐKKD lần 10 ngày 07/08/2014 để tăng vốn điều lệ từ 94.837.150.000 đồng lên 108.957.060.000 đồng.

Đồng thời, Tổng Công ty thực hiện đăng ký chứng khoán tập trung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt nam và đưa cổ phiếu TBD giao dịch tại sàn UPCoM Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 15/10/2014. Từ đây mở ra hướng đi mới trong công tác quản trị Tổng Công ty theo hướng phát triển.

Năm 2014, Tổng Công ty được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng III.

Hai Công ty con của Tổng Công ty SXKD tăng trưởng, bảo toàn vốn, có lợi nhuận.

Các chỉ tiêu trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2014 của Tổng Công ty đã thực hiện xong.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị theo dõi, giám sát và định hướng chỉ đạo đối với việc quản lý và điều hành của Ban Tổng Giám đốc thông qua:

Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức thực hiện tốt các nội dung của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.

Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc, thay mặt Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành duy trì các buổi giao ban sản xuất với các cán bộ chủ chốt của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên.

Ban Tổng Giám đốc đã kịp thời đưa ra các biện pháp chỉ đạo hiệu quả, thực hiện các giải pháp có trọng tâm, trọng điểm, tuân thủ đúng pháp luật, đảm bảo thực hiện tốt các kế hoạch, nhiệm vụ đúng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đã thông qua; Thể hiện kết quả SXKD năm tài chính 2014 đạt và vượt kế hoạch đề ra.

Tính minh bạch trong SXKD được duy trì và tạo điều kiện thuận lợi để các cổ đông cũng như cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt chức năng giám sát, kiểm soát của mình.

Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đến Ban Tổng Giám đốc từ đó Tổng Giám đốc chỉ đạo, thực hiện đúng các nội dung đã được thông qua.

Các hạng mục đầu tư XDCB còn chậm, giá trị đạt thấp so với kế hoạch, được chuyển sang thực hiện tiếp vào năm 2015.

3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Hoàn thiện các Quy chế quản lý nội bộ phù hợp với hoạt động của Tổng Công ty trong Nhiệm kỳ mới (2015-2020).
- Tập trung chỉ đạo đẩy mạnh các hoạt động để xây dựng và phát triển thương hiệu, nhằm thúc đẩy kinh doanh, nâng cao vị thế của Tổng Công ty.
- Tập trung nguồn lực phát triển các lĩnh vực chính theo định hướng của Tổng Công ty.
- Chú trọng trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng lực đội ngũ quản lý, năng lực điều hành, đặc biệt là kỹ sư công nghệ thiết kế điện – cơ khí để phát triển sản phẩm truyền thống.
- Quản lý chặt chẽ về tài chính, kiểm soát dòng tiền, làm tăng khả năng quay vòng vốn, sử dụng phần mềm trong quản lý tài chính.
- Tăng cường công tác quản trị Tổng Công ty để thích ứng với Luật Doanh nghiệp 2014 và các văn bản quy phạm pháp luật (Luật mới).

VI- QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: *(Danh sách Thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Tổng Công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập, thành viên không điều hành và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của Tổng Công ty nắm giữ tại các Công ty khác).*

Danh sách, cơ cấu Thành viên Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Chức vụ	Tỷ lệ % sở hữu CP
1	Trần Văn Quang	17/05/1958	Xã Huyền Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	CTHĐQT	1,52
2	Nguyễn Đức Công	12/07/1959	Xã Trung Nghĩa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	TVĐQT	0,67
3	Nguyễn Nghiêm Lĩnh	07/08/1961	Số 212-D5A, phố Trần Thái Tông, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội	TVĐQT không điều hành	0,00

4	Hồ Đức Thanh	15/07/1959	Xã Bình Tân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định	TVĐQT	0,65
5	Trần Hữu Ánh	17/06/1956	Xã Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	TVĐQT	0,14

Chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm chức danh Tổng Giám đốc đối với ông Trần Văn Quang được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 của Tổng Công ty biểu quyết thông qua theo Nghị quyết số 740/NQ-EEMC ngày 25/4/2014.

Ông Trần Văn Quang được Tập đoàn điện lực Việt nam cử là Người đại diện 60% phần vốn Nhà nước tại Tổng Công ty.

Ông Nguyễn Nghiêm Lĩnh - Phó Trưởng Ban Tổ chức Nhân sự Tập đoàn điện lực Việt Nam được Tập đoàn điện lực Việt Nam cử là Người đại diện 40% phần vốn Nhà nước tại Tổng Công ty, được Tập đoàn điện lực Việt nam cử để ứng cử chức danh Thành viên Hội đồng quản trị, được Đại hội đồng cổ đông bất thường Tổng Công ty ngày 25/10/2013 thông qua.

Danh sách chức danh thành viên Hội đồng quản trị của Tổng Công ty nắm giữ tại các Công ty khác: Không có

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị chưa thành lập tiểu ban.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Các thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và thực hiện nhiệm vụ theo đúng phân công tại Văn bản phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng quản trị số 290/QĐ-HĐQT ngày 30/10/2013.

Thông kê các Nghị quyết của Hội đồng quản trị:

TT	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Nghị quyết Số 480/NQ-HĐQT	27/3/2014	Công tác tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2014
2	Nghị quyết Số 1797/NQ-HĐQT	17/9/2014	NQ họp HĐQT mở rộng quý 3/2014
3	Nghị quyết	21/11/2014	Lấy ý kiến bằng văn bản về phê duyệt 02 Điều lệ Công ty TNHH MTV
4	Quyết định Số 246/QĐ-HĐQT	21/11/2014	QĐ phê duyệt Điều lệ Công ty TNHH MTV Thiết bị lưới điện
5	Quyết định Số 273/QĐ-HĐQT	05/12/2014	QĐ phê duyệt Điều lệ Công ty TNHH MTV Thiết kế và Chế tạo Thiết bị điện

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành: Tham gia đầy đủ 100% các phiên họp của Hội đồng quản trị, thực hiện đầy đủ và hoàn thành nhiệm vụ phân công của

Hội đồng quản trị.

đ. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị Tổng Công ty không có các tiểu ban.

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị:

- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: Không có.

- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm: Không có.

2. BAN KIỂM SOÁT

a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát: (Danh sách Thành viên Ban Kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Tổng Công ty phát hành).

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Chức vụ	Tỷ lệ % sở hữu CP
1	Bùi Thị Hằng Nga	28/7/1963	Hà Nam	Trưởng Ban	0
2	Cao Xuân Hải	23/9/1960	Phường Hiến Nam, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Thành viên	0,035
3	Lê Thị Thùy Anh	19/02/1980	Xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội	Thành viên	0,020

Trưởng ban Kiểm soát do Tập đoàn điện lực Việt Nam (cổ đông Nhà nước sở hữu 46,28% vốn tại Tổng Công ty) cử để ứng cử chức danh Trưởng ban Kiểm soát, được Đại hội đồng cổ đông bất thường Tổng Công ty ngày 24/10/2013 thông qua.

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban Kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

Ban Kiểm soát có Quy chế hoạt động riêng, có phân công nhiệm vụ từng thành viên. Chế độ họp theo luật định; Việc kiểm soát tình hình tài chính của Tổng Công ty tiến hành thường xuyên và chặt chẽ. Có báo cáo kết quả kiểm soát 6 tháng đầu năm 2014 và cả năm 2014.

Ban Kiểm soát đề nghị lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2014 cho Tổng Công ty là:

Công ty TNHH Kiểm toán DTL – Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Lotus, số 2 Duy Tân, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 844. 37955353; Fax: 844. 37955252

Email: dtl_hanoi@rsm.com.vn;

Website: www.rsm.com.vn

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).

- Lương được trả theo hiệu quả thực hiện từng vị trí từng tháng.

- Thù lao được trả theo Nghị quyết của Đại hội đồng thường niên các năm; Năm 2014 thực trả theo đúng Nghị quyết như sau:

Chức danh	Số lượng	Người/tháng (triệu đồng)	Người/năm (triệu đồng)	Tổng (triệu đồng)	Ghi chú
A- TIỀN LƯƠNG				420	
Hội đồng quản trị	5				
Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	35	420	420	Kiểm nhiệm Tổng Giám đốc
UV HĐQT không chuyên trách	4	0	0	0	
B- THÙ LAO				420	
Hội đồng quản trị	5				
Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	10	120	120	
UV HĐQT không chuyên trách	4	5	60	240	Kiểm nhiệm
Ban Kiểm soát	3				
Trưởng Ban Kiểm soát không chuyên trách	1	3	36	36	Kiểm nhiệm
UV Ban Kiểm soát không chuyên trách	2	1	12	24	Kiểm nhiệm
Tổng cộng: A + B				840	

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội (thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Tổng Công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên): *Không có.*

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ (hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với Tổng Công ty, các Công ty con, các Công ty mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên): *Không có.*

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Tổng Công ty:

Tổng Công ty có Quy chế quản trị, có Quy chế phân công thành viên Hội đồng quản trị; Các Nghị quyết đều được chấp hành, không vi phạm các quy định của pháp luật về quản trị.

VII- BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. Ý KIẾN KIỂM TOÁN**

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

(Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán, có tài liệu kèm theo) ./

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT TỔNG CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trần Văn Quang





Văn phòng Hà Nội

Tầng 7, Tòa nhà Lotus, Số 2 Đường Duy Tân
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Tel: +844 3795 53 53 | Fax: +844 3795 52 52
www.rsm.com.vn | dtl_hanoi@rsm.com.vn

Số: 26/2015/DTLHN - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

V/v: Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
của Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty Cổ phần

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông**
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty Cổ phần

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh ("Công ty") và các Công ty con ("Nhóm Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 06 đến trang 31 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Thành Lâm
Giám đốc

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0299-2013-026-1

Thay mặt và đại diện
Công ty TNHH Kiểm toán DTL – Văn phòng Hà Nội
Thành viên Hãng RSM Quốc tế

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2015

Hoài

Lê Văn Hoài
Kiểm toán viên

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0023-2013-026-1



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		967.499.786.229	765.121.389.923
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	83.981.781.325	48.985.809.485
1. Tiền	111		83.981.781.325	48.985.809.485
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		132.300.000	545.600.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		603.000.000	1.028.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(470.700.000)	(482.400.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		280.243.255.804	297.719.666.180
1. Phải thu của khách hàng	131	4.2	255.558.457.993	279.162.501.565
2. Trả trước cho người bán	132	4.3	33.103.904.143	23.449.245.630
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134	4.4	10.156.231.800	10.156.231.800
4. Các khoản phải thu khác	135	4.5	1.340.767.049	6.264.688.054
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	4.2	(19.916.105.181)	(21.313.000.869)
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	593.489.549.914	410.189.515.463
1. Hàng tồn kho	141		593.489.549.914	410.189.515.463
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.652.899.186	7.680.798.795
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.281.131.803	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.179.806.735	4.254.211.048
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.191.960.648	3.426.587.747
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		83.745.887.206	84.853.719.574
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		78.611.747.423	81.179.592.990
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	78.354.186.805	80.782.850.562
Nguyên giá	222		230.435.837.312	216.256.628.556
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(152.081.650.507)	(135.473.777.994)
2. Tài sản cố định vô hình	227		257.560.618	396.742.428
Nguyên giá	228		751.000.000	751.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(493.439.382)	(354.257.572)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.096.114.000	3.096.114.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	4.8	3.096.114.000	3.096.114.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.038.025.783	578.012.584
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.588.025.783	47.012.584
2. Tài sản dài hạn khác	268		450.000.000	531.000.000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.051.245.673.435	849.975.109.497

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		764.138.238.034	568.849.572.859
I. Nợ ngắn hạn	310		764.074.488.033	568.832.641.042
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	4.9	504.745.140.886	337.829.129.917
2. Phải trả người bán	312	4.10	93.067.031.508	71.365.405.305
3. Người mua trả tiền trước	313	4.11	96.297.750.340	54.691.472.089
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.12	8.187.509.512	17.977.873.424
5. Phải trả người lao động	315		8.360.743.356	15.326.496.203
6. Chi phí phải trả	316		309.149.191	1.064.480.266
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.13	22.872.264.521	33.439.139.795
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	4.14	29.729.669.923	30.054.702.993
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		505.228.796	7.083.941.050
II. Nợ dài hạn	330		63.750.001	16.931.817
1. Doanh thu chưa thực hiện	338		63.750.001	16.931.817
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.15	287.107.435.401	281.125.536.638
I. Vốn chủ sở hữu	410		267.083.408.532	267.769.809.769
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		108.957.060.000	94.837.150.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.284.860.000	20.284.860.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(1.360.000.000)	(1.360.000.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		17.186.360.355	535.485.797
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.037.647.970	9.113.123.297
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		72.818.307.280	86.938.217.280
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		43.159.172.927	57.420.973.395
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		20.024.026.869	13.355.726.869
1. Nguồn kinh phí	432		20.024.026.869	13.355.726.869
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.051.245.673.435	849.975.109.497

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	TM	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014 (Trình bày lại)
1. Nợ phải thu khó đòi đã xử lý		12.719.433.874	6.429.562.845
2. Ngoại tệ các loại			
- USD		1.300.907,74	177.856,22
- EUR		38.835,42	1.161,28

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	1.185.195.081.017	1.168.974.600.660
2. Các khoản giảm trừ	02	5.1	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	1.185.195.081.017	1.168.974.600.660
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	956.250.521.149	893.397.031.248
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		228.944.559.868	275.577.569.412
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		659.976.611	1.739.345.148
7. Chi phí tài chính	22	5.3	30.874.637.794	40.095.710.862
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		28.708.846.769	33.341.953.681
8. Chi phí bán hàng	24	5.4	60.543.818.524	82.407.178.711
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.5	107.026.218.549	100.477.053.643
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.159.861.612	54.336.971.344
11. Thu nhập khác	31	5.6	8.180.764.069	6.120.344.845
12. Chi phí khác	32	5.7	3.671.704.326	4.429.487.775
13. Lợi nhuận khác	40		4.509.059.743	1.690.857.070
14. Lãi / lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.668.921.355	56.027.828.414
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	11.728.269.761	14.615.063.906
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23.940.651.594	41.412.764.508
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		23.940.651.594	41.412.764.508
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.15.3	2.361	6.066

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2014	Năm 2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.8	35.668.921.355	56.027.828.414
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.9	16.750.026.991	16.324.023.864
- Các khoản dự phòng	03		(1.408.595.688)	13.749.731.165
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		587.183.866	486.545.713
- (Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(579.684.536)	(2.807.630.260)
- Chi phí lãi vay	06	5.3	28.708.846.769	33.341.953.681
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		79.726.698.757	117.122.452.577
- Giảm/ (Tăng) các khoản phải thu	09		13.863.845.968	(39.769.537.317)
- (Tăng) hàng tồn kho	10		(183.300.034.452)	(20.661.020.994)
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả	11		26.350.534.438	(24.101.514.057)
- (Tăng)/ Giảm chi phí trả trước	12		(1.541.013.199)	49.314.178
- Lãi tiền vay đã trả	13		(28.383.719.510)	(33.519.241.728)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	5.8	(17.410.912.292)	(9.817.757.784)
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm		4.15.4	8.964.000.000	4.377.000.000
- Chi sự nghiệp		4.15.4	(2.295.700.000)	(3.146.191.345)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	4.15.4	(500.000.000)	(2.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(104.526.300.290)	(11.466.496.470)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(14.268.388.756)	(10.267.847.475)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & TS DH khác	22	5.6	89.630.000	702.636.364
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		576.271.868	2.104.993.896
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(13.602.486.888)	(7.460.217.215)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của CSH (i)	31		-	40.372.010.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.058.697.192.945	225.990.543.681
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(891.781.181.976)	(211.937.547.396)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.15.4	(13.652.786.750)	(9.471.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		153.263.224.219	44.953.606.285
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		35.134.437.041	26.026.892.600
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.1	48.985.809.485	22.984.404.148
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(138.465.201)	(25.487.263)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.1	83.981.781.325	48.985.809.485

Các giao dịch phi tiền tệ trong yếu tố trong năm:

Trong năm 2014, Công ty tăng vốn điều lệ từ 94.837.150.000 VND lên 108.957.060.000 VND từ nguồn Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu như trình bày tại Thuyết minh số 4.15 "Vốn chủ sở hữu".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty Cổ phần (trước đây là Công ty Cổ phần Chế tạo Thiết bị điện Đông Anh) được chuyển đổi từ Công ty Sản xuất Thiết bị điện, một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Nhóm Công ty Điện lực Việt Nam) theo Quyết định số 140/2004/QĐBCN ngày 22/11/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103008085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/6/2005.

Từ khi thành lập Công ty thực hiện điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 10 lần. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 10 ngày 7 tháng 8 năm 2014, Công ty tăng vốn điều lệ từ 94.837.150.000 VND lên 108.957.060.000 VND, chia thành 10.895.706 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/ cổ phần. Cổ đông chính của Công ty là Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”) chiếm 46,29% vốn điều lệ và các cổ đông khác nắm giữ 53,71% vốn điều lệ.

Công ty có trụ sở chính tại Tổ 26, thị trấn Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Tại ngày 31/12/2014, Công ty có hai Công ty con mà Công ty sở hữu 100% vốn như sau:

- Công ty TNHH MTV Thiết bị Lưới điện - EEMC; và
- Công ty TNHH MTV Thiết kế và Chế tạo Thiết bị điện - EEMC. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 3 số 010661787 ngày 31/7/2014, Công ty con này thực hiện thay đổi mã số thuế mới.

Công ty	Các khoản đầu tư ghi nhận tại Báo cáo tài chính Công ty mẹ		Tỷ lệ cổ phần Công ty mẹ nắm giữ	
	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
Công ty TNHH MTV Thiết bị Lưới điện - EEMC	8.420.648.380	12.749.290.595	100%	100%
Công ty TNHH MTV TK và Chế tạo Thiết bị điện - EEMC	7.811.835.518	16.864.631.512	100%	100%
Cộng	16.232.483.898	29.613.922.107		

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2014 là 759 người (Tại ngày 31/12/2013 là 645 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất máy biến áp, dây điện, vật tư, vật liệu, kỹ thuật điện và các sản phẩm thiết bị điện đến 500kV;
- Lắp đặt, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, sửa chữa, trung đại tu, cải tạo các loại thiết bị điện đến 500kV, các thiết bị cơ nhiệt, cơ thủy đến 250 ata;
- Thí nghiệm điện, chế tạo, cung cấp thiết bị và tư vấn xây dựng các phòng thí nghiệm điện cao áp; và
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại vật tư, thiết bị, hàng hóa công nghiệp và dân dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

2.2 Hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát ("Công ty con"). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở Công ty con. Các Công ty con được hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát được chuyển cho Công ty mẹ. Các Công ty con được loại trừ khỏi việc hợp nhất khi quyền kiểm soát chấm dứt.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư nội bộ, các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện cho các giao dịch nội bộ giữa Công ty và các Công ty con hoặc giữa các Công ty con với nhau được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.3 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

3.1 Tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp số liệu từ Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con. Các số dư và nghiệp vụ phát sinh trong nội bộ Công ty đã được loại trừ trong việc lập Báo cáo này. Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá bình quân sau từng lần nhập xuất, thành phẩm xác định theo giá đích danh và bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể bán được trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí để hoàn thành và chi phí bán hàng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	12 – 25
Máy móc, thiết bị	10
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận bằng cách tham chiếu đến tỷ lệ hoàn thành của từng giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thu nhập khác

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.9 Hạch toán ngoại tệ

Nhóm Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia lãi cho các cổ đông.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

3.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 Thuế

Thuế Thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho Cơ quan Thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Năm 2014, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 22% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

Thuế Giá trị gia tăng

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp theo các mức thuế như sau:

- Bán thành phẩm máy biến áp 10%
- Dịch vụ sửa chữa 10%
- Dịch vụ vận chuyển 10%
- Bán hàng hóa, vật tư 10%
- Các dịch vụ khác 10%

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.13 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại lại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.13 Công cụ tài chính (Tiếp)

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các khoản đã ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Tiền mặt	13.937.867.389	1.871.464.007
Tiền gửi ngân hàng	70.043.913.936	47.114.345.478
Cộng	83.981.781.325	48.985.809.485

4.2 Phải thu của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Tổng phải thu của khách hàng	255.558.457.993	279.162.501.565
Phải thu các công ty thuộc Tập đoàn Điện Lực	126.346.524.836	86.957.386.970
Phải thu các công ty khác	129.211.933.157	192.205.114.595
Dự phòng phải thu khó đòi	(19.916.105.181)	(21.313.000.869)
Cộng	235.642.352.812	257.849.500.696

4.3 Trả trước cho người bán

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Trả trước cho các bên thứ ba	33.103.904.143	23.449.245.630
Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Thăng Long	3.400.000.000	3.400.000.000
Công ty TNHH Hợp tác KTKT Quốc tế Văn Sơn	3.618.643.680	3.556.262.016
C/ty TNHH Hợp tác Kinh tế Kỹ thuật Quốc tế	-	3.200.568.192
Các nhà cung cấp khác	26.085.260.463	13.292.415.422
Cộng	33.103.904.143	23.449.245.630

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

4.4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Đây là khoản phải thu Công ty TNHH N&S của Công ty TNHH MTV Thiết kế và Chế tạo Thiết bị điện - EEMC về việc cung cấp thiết bị đồng bộ máy phát điện Nhà máy Thủy điện Quảng Tín. Năm 2011, Công ty TNHH MTV Thiết kế và Chế tạo Thiết bị điện - EEMC đã tiến hành làm đơn lên Tòa án để kiện Công ty TNHH N&S nhằm giải quyết thu hồi được khoản trên.

Ngày 10/7/2013, vụ kiện đã có kết quả và theo kết quả phúc thẩm của Tòa án Nhân dân tỉnh Đắk Nông, Công ty TNHH N&S còn phải thanh toán bổ sung cho Công ty TNHH MTV Thiết kế và Chế tạo Thiết bị điện - EEMC là 11.499.274.556 VND (Bao gồm: Tiền gốc là 8.978.715.440 VND và 2.520.559.116 VND tiền lãi). Số tiền này được thanh toán theo tiến độ từ năm 2014 đến năm 2018.

Tính đến ngày 31/12/2014, Công ty TNHH MTV Thiết kế và Chế tạo Thiết bị điện – EEMC đã nhận được 10.385.868.699 VND tiền ứng trước của hợp đồng này.

4.5 Các khoản phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Phải thu khác của các bên liên quan	-	326.838.376
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	-	326.838.376
Phải thu khác của bên thứ ba	1.340.767.049	5.937.849.678
Công ty Cổ phần Cơ điện Đông Anh	430.000.000	430.000.000
Phải thu thuế TNCN từ nhân viên	-	1.977.023.784
Công ty Cổ phần ĐTXD Trường Thành	-	1.556.900.000
Phải thu từ bảo hiểm xã hội chờ xử lý	-	1.128.271.825
Các đối tượng khác	910.767.049	845.654.069
Cộng	1.340.767.049	6.264.688.054

4.6 Hàng tồn kho
Error! Not a valid link.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc (Trình bày lại) VND	Máy móc, thiết bị (Trình bày lại) VND	Phương tiện vận tải (Trình bày lại) VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý (Trình bày lại) VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	55.958.221.996	110.931.391.128	32.294.081.630	17.072.933.802	216.256.628.556
Mua sắm mới	136.363.636	13.483.788.136	145.454.545	335.757.489	14.101.363.806
XD cơ bản hoàn thành	167.024.950	-	-	-	167.024.950
Thanh lý, nhượng bán	-	(89.180.000)	-	-	(89.180.000)
Tại ngày 31/12/2014	56.261.610.582	124.325.999.264	32.439.536.175	17.408.691.291	230.435.837.312
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	38.810.207.757	64.487.208.805	18.498.539.931	13.677.821.501	135.473.777.994
Trích khấu hao	2.061.003.730	10.879.656.624	2.510.840.420	1.159.344.407	16.610.845.181
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.972.668)	-	-	(2.972.668)
Tại ngày 31/12/2014	44.708.144.047	75.363.892.761	21.009.380.351	14.837.165.908	152.081.650.507
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2014	17.148.014.239	46.444.182.323	13.795.541.699	3.395.112.301	80.782.850.562
Tại ngày 31/12/2014	11.553.466.535	48.962.106.503	11.430.155.824	2.571.525.383	78.354.186.805

Tại ngày 31/12/2014, nguyên giá của các TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 58.433.781.557 VND (Tại ngày 31/12/2013 là 28.380.316.488 VND). Không có tài sản cố định dùng để thế chấp các khoản vay của ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

4.8 Đầu tư dài hạn khác

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Đầu tư cổ phiếu dài hạn	3.096.114.000	3.096.114.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện lực	596.114.000	596.114.000
Công ty CP DV SC Nhiệt điện miền Bắc	2.500.000.000	2.500.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
Cộng	3.096.114.000	3.096.114.000

Các khoản đầu tư này là các khoản đầu tư vào các cổ phiếu chưa niêm yết. Các cổ phiếu này có dấu hiệu giảm giá. Tuy nhiên, không một khoản dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn nào được lập do không có bằng chứng chắc chắn để xác định được giá trị hợp lý của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

4.9 Vay và nợ ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Vay ngân hàng	407.537.880.386	264.380.384.530
<i>Ngân hàng Công thương Đông Anh</i>	<i>243.125.333.542</i>	<i>105.806.196.735</i>
<i>Ngân hàng Ngoại thương Đông Anh</i>	<i>142.177.500.193</i>	<i>96.406.111.859</i>
<i>Ngân hàng TMCP An Bình</i>	<i>-</i>	<i>50.200.944.747</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội</i>	<i>22.235.046.651</i>	<i>11.967.131.189</i>
Vay của CB CNV trong Công ty	97.207.260.500	71.898.425.687
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	1.550.319.700
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam</i>	<i>-</i>	<i>1.550.319.700</i>
Cộng	504.745.140.886	337.829.129.917

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

4.10 Phải trả người bán

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Phải trả cho bên thứ ba	93.067.031.508	71.365.405.305
Công ty Điện Tân Thế kỷ Trùng Khánh	20.747.010.300	20.180.323.310
Công ty Anhui Anmec	2.079.045.175	2.023.001.770
Công ty TNHH Phát triển Kỹ thuật Việt Nam	7.329.851.973	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ XNK Anh Phương	4.883.000.000	-
Công ty cổ phần Extex Việt Nam	1.929.751.648	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ngô Han tại Hà Nội	14.424.996.539	-
Các nhà cung cấp khác	41.673.375.873	49.162.080.225
Cộng	93.067.031.508	71.365.405.305

4.11 Người mua trả tiền trước

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Người mua trả trước trong Tập đoàn Điện lực	41.472.959.087	8.369.649.648
Người mua trả trước là bên thứ ba	54.824.791.253	46.321.822.441
<i>Công ty TNHH N&S (i)</i>	<i>10.385.868.699</i>	<i>5.835.308.080</i>
<i>Các công ty khác</i>	<i>44.438.922.554</i>	<i>40.486.514.361</i>
Cộng	96.297.750.340	54.691.472.089

(i): Khoản ứng trước thực hiện hợp đồng kinh tế số 68/TKTBD-NS ngày 06/10/2008 về việc cung cấp thiết bị đồng bộ máy phát điện Nhà máy Thủy điện Quảng Tín, chi tiết xem tại Thuyết minh số 4.4 “Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng”.

4.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Thuế GTGT phải nộp	-	7.940.437.440
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.427.185.069	9.094.827.600
Thuế thu nhập cá nhân	2.951.227.234	436.646.206
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	1.121.037.342	132.982.186
Thuế phải nộp khác	688.059.867	372.979.992
Cộng	8.187.509.512	17.977.873.424

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

4.13 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Phải trả về cổ phần hóa	498.750.000	498.750.000
Phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	17.617.577.950	17.705.577.950
Tiền hàng CT 35kV & vốn nhập công tơ OLTC	12.570.768.100	12.570.768.100
Quỹ đầu tư PT và các khoản phải trả khác	5.046.809.850	5.134.809.850
Kinh phí công đoàn	1.137.495.676	1.449.846.689
Phải trả khác	3.618.440.895	13.784.965.156
Vật tư tạm nhập	-	10.810.000.000
Lãi tiền vay phải trả CBCNV	1.013.149.098	688.021.839
Phải trả phải nộp khác	2.605.291.797	2.286.943.317
Cộng	22.872.264.521	33.439.139.795

4.14 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Dự phòng bảo hành công trình (i)	10.996.376.635	30.054.702.993
Dự phòng quỹ tiền lương 17%	18.733.293.288	-
Cộng	29.729.669.923	30.054.702.993

(i): Công ty đang trích 5% giá trị các đơn hàng đã tiêu thụ trong thời hạn cam kết bảo hành đã ghi trong hợp đồng mua bán giữa hai bên với thời hạn bảo hành.

4.15 Vốn chủ sở hữu

4.15.1 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Giấy Chứng nhận ĐKDN		Số vốn đã góp	
			Tại ngày 31/12/2014 1.000 VND	Tại ngày 01/01/2014 1.000 VND
Cổ đông góp vốn	1.000 VND	%		
Tập đoàn ĐL Việt Nam	50.436.060	46,29%	50.436.060	43.857.450
Ông Nguyễn Văn Giang	7.758.400	7,12%	7.758.400	6.746.440
Các cổ đông khác	50.762.600	46,59%	50.082.600	43.553.260
Cổ phiếu quỹ			680.000	680.000
Cộng	108.957.060	100%	108.957.060	94.837.150

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

4.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp)

4.15.2 Cổ phiếu

Error! Not a valid link.

4.15.3 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
LN thuần phân bổ cho các cổ đông phổ thông của Công ty mẹ	23.940.651.594	41.412.764.508
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	10.141.106	6.827.166
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	2.361	6.066

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

4.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp)

4.15.4 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn CP VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ khác Vốn CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Nguồn kinh phí chi sự nghiệp VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 1/1/2013	66.000.000.000	8.750.000.000	(1.360.000.000)	-	81.393.518.048	12.502.593.627	12.124.918.214	42.321.644.007	221.732.673.896
Tăng vốn trong năm	28.837.150.000	11.534.860.000	-	-	-	-	-	-	40.372.010.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	41.412.764.508	41.412.764.508
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	4.377.000.000	-	4.377.000.000
Trả cổ tức	-	-	-	-	32.157.218.498	-	-	(9.471.400.000)	22.685.818.498
Chia các quỹ	-	-	-	-	6.080.185.029	3.040.092.515	-	(9.120.277.544)	-
Điều chuyển vốn	-	-	-	86.938.217.280	(86.938.217.280)	-	-	-	-
Trích quỹ KT, PT	-	-	-	-	-	-	-	(9.809.247.602)	(9.809.247.602)
Thưởng ban ĐH	-	-	-	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Tăng/Giảm khác	-	-	-	-	-	(6.429.562.845)	(3.146.191.345)	4.087.490.026	(5.488.264.164)
Tại ngày 31/12/2013	94.837.150.000	20.284.860.000	(1.360.000.000)	86.938.217.280	32.692.704.295	9.113.123.297	13.355.726.869	57.420.973.395	313.282.755.136
Tại ngày 01/01/2014	94.837.150.000	20.284.860.000	(1.360.000.000)	86.938.217.280	32.692.704.295	9.113.123.297	13.355.726.869	57.420.973.395	313.282.755.136
Tăng vốn trong năm (i)	14.119.910.000	-	-	(14.119.910.000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	23.940.651.594	23.940.651.594
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	8.964.000.000	-	8.964.000.000
Trả cổ tức (ii)	-	-	-	-	-	-	-	(13.652.786.750)	(13.652.786.750)
Chia các quỹ (ii)	-	-	-	-	16.650.874.558	42.884.378	-	(16.693.758.936)	-
Trích quỹ KT, PT (ii)	-	-	-	-	-	-	-	(7.355.906.376)	(7.355.906.376)
Thưởng ban ĐH (ii)	-	-	-	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Tăng/Giảm khác	-	-	-	-	-	(3.118.359.705)	(2.295.700.000)	-	(5.414.059.705)
Tại ngày 31/12/2014	108.957.060.000	20.284.860.000	(1.360.000.000)	72.818.307.280	49.343.578.853	6.037.647.970	20.024.026.869	43.159.172.927	319.264.653.899

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

4.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp)

4.15.4 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (Tiếp)

(i): Công ty tăng vốn từ 94.837.150.000 VND lên 108.957.060.000 VND được điều chuyển vốn từ nguồn Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu từ việc Công ty phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu trên số vốn điều lệ hiện hành và dựa theo Công văn chấp nhận số 3745/UBCK-QLPH ngày 27/6/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

(ii): Trong năm 2014, Công ty đã trích quỹ và chi trả cổ tức được chia từ lợi nhuận năm 2013 theo Nghị quyết phiên họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 25/04/2014. Cổ tức năm 2013 được chia tương đương với 1.450 VND/cổ phần.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng doanh thu	1.185.195.081.017	1.168.974.600.660
Doanh thu hàng hóa, vật tư	1.080.287.047.694	1.019.418.321.807
Doanh thu cung cấp dịch vụ	91.619.624.754	142.952.149.698
Doanh thu xây lắp	13.288.408.569	6.604.129.155
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	1.185.195.081.017	1.168.974.600.660

5.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa, vật tư	874.681.930.669	793.677.278.171
Giá vốn dịch vụ cung cấp	68.818.985.492	94.383.467.525
Giá vốn xây lắp	12.749.604.988	5.987.412.646
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(651.127.094)
Cộng	956.250.521.149	893.397.031.248

5.3 Chi phí tài chính

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	28.708.846.769	33.341.953.681
Dự phòng giảm giá chứng khoán	(11.700.000)	(65.700.000)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.589.807.159	6.332.911.468
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	587.183.866	486.545.713
Chi phí tài chính khác	500.000	-
Cộng	30.874.637.794	40.095.710.862

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP)

5.4 Chi phí bán hàng

Error! Not a valid link.

5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	56.530.062.459	42.480.564.369
Chi phí vật liệu quản lý	2.944.497.619	2.757.358.002
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	361.858.403	491.720.095
Chi phí khấu hao tài sản cố định	858.549.269	892.819.445
Thuế và các khoản lệ phí	4.776.769.733	2.242.872.964
Chi phí dự phòng	1.774.615.316	14.466.558.259
Chi phí dịch vụ mua ngoài	473.505.784	354.067.071
Chi phí bằng tiền khác	39.306.359.966	36.791.093.438
Cộng	107.026.218.549	100.477.053.643

5.6 Thu nhập khác

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	89.630.000	702.636.364
Hỗ trợ lãi suất từ ngân hàng	4.780.942.593	-
Lợi nhuận từ Công ty Cột thép Đông Anh	-	1.479.970.030
Thu nhập khác	3.310.191.476	3.937.738.451
Cộng	8.180.764.069	6.120.344.845

5.7 Chi phí khác

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản	86.217.332	-
Chi phí dỡ, bồi thường giải phóng mặt bằng	-	4.144.081.891
Chi phí khác	3.585.486.994	285.405.884
Cộng	3.671.704.326	4.429.487.775

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP)

5.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ năm trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi/(lỗ) theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải trả ước tính được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế của từng công ty trong Nhóm Công ty.

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	35.668.921.355	56.027.828.414
Điều chỉnh các khoản tăng (giảm) lợi nhuận	2.307.889.479	3.249.388.979
<i>Các khoản chênh lệch vĩnh viễn</i>	2.307.889.479	3.249.388.979
Hoạt động sản xuất kinh doanh	2.307.889.479	3.249.388.979
Chi phí không được trừ	3.558.642.479	5.029.359.009
<i>Tiền thuế đất theo Công văn số 976/STC-QLCS ngày 26/02/2015 của Sở Tài chính</i>	<i>(1.250.753.000)</i>	-
<i>Cổ tức lợi nhuận được chia</i>	-	<i>(1.779.970.030)</i>
Lợi nhuận (lỗ) sau điều chỉnh	37.976.810.834	59.277.217.393
Lỗ tính thuế Công ty TNHH MTV Lưới Điện - EEMC, Công ty TNHH MTV Thiết kế và Chế tạo Thiết bị điện - EEMC năm trước chuyển sang	(2.631.097.625)	(3.520.039.636)
Lỗ từ Công ty TNHH MTV Thiết kế và Chế tạo Thiết bị điện - EEMC	-	2.703.077.867
Thu nhập tính thuế ước tính trong năm	35.345.713.209	58.460.255.624
Thuế suất (%)	22%	25%
Thuế TNDN ước tính trong năm	7.776.056.906	14.615.063.906
Điều chỉnh thuế TNDN thiếu các năm trước theo quyết toán thuế	3.952.212.855	-
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành ước tính	11.728.269.761	14.615.063.906
Thuế TNDN phải trả đầu năm	9.047.800.885	4.250.494.763
Thuế TNDN đã trả trong năm	(17.410.912.292)	(9.817.757.784)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	3.365.158.354,06	9.047.800.885
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải trả cuối năm	3.427.185.069	9.094.827.600
Thuế TNDN nộp thừa từ Công ty con	62.026.715	47.026.715

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP)

5.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân viên	160.672.103.781	119.074.015.608
Chi phí nguyên vật liệu	763.813.420.436	775.544.653.539
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	361.858.403	1.423.151.192
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.750.026.991	16.180.776.561
Thuế và các khoản lệ phí	4.776.769.733	2.242.872.964
Dự phòng phải thu khó đòi	1.774.615.316	13.749.731.165
Dự phòng phải trả - Bảo hành sản phẩm	(19.058.326.358)	14.492.677.337
Chi phí dịch vụ mua ngoài	105.532.673.156	66.199.896.881
Chi phí bằng tiền khác	89.197.416.764	67.373.488.355
Cộng	1.123.820.558.222	1.076.281.263.602

6. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

6.1 Công cụ tài chính

6.1.1 Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (Bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.13 “Công cụ tài chính”.

Error! Not a valid link.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

6. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.1 Công cụ tài chính (Tiếp)

6.1.1 Các loại công cụ tài chính (Tiếp)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác, tiền mặt, tiền gửi và các khoản tiền gửi có kỳ hạn mà chúng phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Với hoạt động của mình, Công ty phải đối mặt với rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính. Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý các rủi ro này như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có ba loại rủi ro: Rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá khác. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, Công ty không có rủi ro lãi suất trọng yếu do phần lớn các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ liên quan chủ yếu tới hoạt động của Công ty như một số chi phí, thu nhập, các khoản vay của Công ty bằng đồng tiền khác với đồng tiền hạch toán của Công ty – VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

6. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.1 Công cụ tài chính (Tiếp)

6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp)

	Ngoại tệ	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	USD	1.300.907,74	177.856,22
Phải thu khách hàng	USD	758.336,00	307.876,69
Nợ phải trả tài chính			
Phải trả nhà cung cấp	USD	(1.283.606,62)	(1.530.035,30)
Nợ phải trả tài chính thuần	USD	775.637,12	(1.044.302,39)
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	EUR	38.835,42	1.161,28
Phải thu khách hàng	EUR	-	48.842,88
Nợ phải trả tài chính			
Phải trả nhà cung cấp	EUR	(4.500,00)	(151.298,00)
Nợ phải trả tài chính thuần	EUR	34.335,42	(101.293,84)
Tài sản tài chính			
Phải thu khách hàng	CNY	-	27.410,00
Nợ phải trả tài chính			
Tài sản trả tài chính thuần	CNY	-	27.410,00
Tài sản tài chính			
Phải thu khách hàng	JPY	-	226.110,50
Nợ phải trả tài chính			
Phải trả nhà cung cấp	JPY	-	-
Tài sản trả tài chính thuần	JPY	-	226.110,50

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty xác định và đánh giá có những khoản rủi ro tín dụng đáng kể từ khách hàng và đối tác. Rủi ro tín dụng được thể hiện một phần qua giá trị trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi như trình bày tại Thuyết minh số 4.2 “Phải thu của khách hàng”. Công ty giảm thiểu các rủi ro tín dụng này bằng cách đưa ra các chính sách tín dụng phù hợp, tiếp tục đôn đốc và có các giải pháp để thu hồi số phải thu còn lại.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

6. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.1 Công cụ tài chính (Tiếp)

6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp)

Rủi ro thanh khoản (Tiếp)

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc tổng tài sản ngắn hạn lớn hơn 1,27 lần so với nợ ngắn hạn, duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền. Qua đó, làm giảm rủi ro thanh khoản của Công ty và hiện tại, Công ty đang đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp.

Dưới đây là bảng tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu.

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2014	443.698.155.283	-	443.698.155.283
Vay và nợ	337.829.129.917	-	337.829.129.917
Phải trả người bán và phải trả khác	104.804.545.100	-	104.804.545.100
Chi phí phải trả	1.064.480.266	-	1.064.480.266
Tại ngày 31/12/2014	620.993.586.106	-	620.993.586.106
Vay và nợ	504.745.140.886	-	504.745.140.886
Phải trả người bán và phải trả khác	115.939.296.029	-	115.939.296.029
Chi phí phải trả	309.149.191	-	309.149.191

6.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, các bên liên quan của Công ty là các Công ty thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các cổ đông góp vốn, các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty.

Bán hàng

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Các công ty thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam	667.776.182.736	485.426.371.134
Cộng	667.776.182.736	485.426.371.134

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

6. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan

Các khoản phải thu

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	326.838.376
Các công ty thuộc Tập đoàn Điện lực	126.346.524.836	86.957.386.970
Cộng	126.346.524.836	87.284.225.346

Phải trả bên liên quan

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Tập đoàn Điện Lực Việt Nam		
Phải trả phải nộp khác	17.617.577.950	17.705.577.950
Tiền hàng CT 35kV & vốn nhập công tơ OLTC	12.570.768.100	12.570.768.100
Quỹ đầu tư phát triển và các khoản phải trả khác	5.046.809.850	5.134.809.850
Các Công ty thuộc Tập đoàn Điện Lực		
Người mua trả tiền trước	41.472.959.087	8.369.649.648
Cộng	59.090.537.037	26.075.227.598

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm 2014 khoảng 3,624 tỷ VND (Năm 2013 khoảng 3,9 tỷ VND).

Giao dịch chia cổ tức và tăng vốn trong năm

Xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.15 "Vốn chủ sở hữu".

6.3 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Công ty không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

6. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.4 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DTL - Văn phòng Hà Nội. Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm trước được phân loại lại và trình bày lại để phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.



Trần Văn Quang
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2015

Phạm Xuân Thành
Kế toán trưởng

Lê Đức Hạnh
Người lập

